

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST  
Ngày: 19/4/2018  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Dung
2. Bà Phan Thị Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án B, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2017/TLST-DS ngày 10/11/2017 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST-DS ngày 09/3/2018 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ngân hàng N. Địa chỉ: Đường H, quận Đ, Tp Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ - Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T, chức vụ - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng B. Địa chỉ: Đường C, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền số 523/QĐ-HĐTV-PC ngày 29/5/2017)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ - Giám đốc phòng giao dịch H - Ngân hàng B. Địa chỉ: Đường Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền số 2349/NHNoBĐL-KTNB ngày 11/8/2017), có mặt.

**\* Bị đơn:** Ông Trần Danh Ch, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn 09, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963.  
Địa chỉ: Thôn 09, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Ngày 11/11/2009 Ngân hàng Đ - Phòng giao dịch H (nay là Ngân hàng N - Chi nhánh B - Phòng giao dịch H) và ông Trần Danh Ch thực hiện việc ký hợp đồng tín dụng số 210/209 để cho ông Ch cùng với vợ là bà Nguyễn Thị C vay số tiền gốc: 80.000.000 đồng; lãi suất 15%/năm; lãi quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay mua đồ dùng sinh hoạt gia đình.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 1754d, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn 09, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 033515 do UBND huyện A, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/6/2002 đứng tên hộ ông Nguyễn Tất Th, địa chỉ: Thôn 09, xã E, huyện A (nay là huyện K), tỉnh Đắk Lắk và ngày 13/02/2008 được phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk cập nhật, thay đổi chủ sở hữu cho ông Ch và bà C do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo hợp đồng thế chấp số 210/TC ký ngày 12/3/2009.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ch và bà C đã trả cho Ngân hàng 1.700.000 đồng tiền lãi. Số tiền gốc và lãi còn lại cho đến nay ông, bà không trả cho ngân hàng thêm khoản nào. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Ch, bà C có trách nhiệm thanh toán nợ vay đã quá hạn nhưng từ khi vay cho tới nay ông Ch và bà C không trả thêm cho Ngân hàng khoản tiền gốc và lãi nào, hiện tại không có mặt tại nơi cư trú. Do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng N - Chi nhánh B - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 19/4/2018 là: 185.553.333 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 80.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn từ ngày 11/11/2009 đến ngày 11/11/2010 là: 10.466.667 đồng;
- Lãi quá hạn từ ngày 11/11/2010 đến ngày 19/4/2018 là: 95.086.667 đồng;

Đối với tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Ch, bà C không thanh toán được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 210/TC ngày 12/3/2009 theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

**\* Đối với bị đơn ông Trần Danh Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C:**

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn xác định ông Ch và bà C đã bỏ đi khỏi địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác nhận ông Ch và bà C đã đi khỏi địa phương từ năm 2012 cho đến nay tại biên bản xác minh ngày 13/11/2017. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, đồng thời đăng tin thông báo về việc khởi kiện của Ngân hàng cho người vắng mặt tại nơi cư trú. Nội dung thông báo được đăng, phát trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng trong quá trình tố tụng đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ông Ch, bà C vẫn không có mặt để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa lần hai vẫn vắng mặt không có lý do.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C đi khỏi địa phương, đã được thông báo về việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng không thấy có ý kiến phản hồi gì, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) để xét xử vụ án và xét xử vắng mặt ông Ch, bà C.

Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng số 210/209 ngày 11/11/2009, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết luận giám định số 27/PC54 ngày 26/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk khẳng định được ngày 11/11/2009 ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C có vay của Ngân hàng N, Chi nhánh tỉnh Đ - Phòng giao dịch H (nay là Ngân hàng N - Chi nhánh B - Phòng giao dịch H) số tiền gốc 80.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng các Điều 471, 474, 476 BLDS năm 2005, Điều 668 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 80.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 09, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và tài sản thế chấp tọa lạc tại địa phương này nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn ông Trần Danh Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C bỏ đi khỏi địa phương theo biên bản xác minh ngày 13/11/2017 tại công an xã E. Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã cấp, tổng đạt, thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đồng thời thực hiện việc đăng tin thông báo về việc khởi kiện của nguyên đơn cho người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Ch, bà C, tin đã được đăng, phát trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng ông Ch và bà C vẫn không có mặt để tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết và đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ nhưng ông Ch, bà C vẫn không có mặt. Tại phiên tòa lần hai tiếp tục vắng mặt không có lý do, vì vậy HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông Ch và bà C.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông Trần Danh Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 19/4/2018 là: 185.553.333 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 80.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn từ ngày 11/11/2009 đến ngày 11/11/2010 là: 10.466.667 đồng;
- Lãi quá hạn từ ngày 11/11/2010 đến ngày 19/4/2018 là: 95.086.667 đồng;

HĐXX xét thấy quan hệ pháp luật dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 (BLDS). Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên phải được thực hiện và được pháp luật bảo vệ. Theo hợp đồng tín dụng, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và kết luận giám định số 27/PC54 ngày 26/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, HĐXX xác định ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C có vay của Ngân hàng N, Chi nhánh tỉnh Đ - Phòng giao dịch H, (nay là Ngân hàng N, chi nhánh B - Phòng giao dịch H) số tiền gốc 80.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng, thời hạn vay 12 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện không đúng cam kết trả nợ là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định Điều 474 BLDS 2005 nên quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm, do đó nguyên đơn có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án thực hiện các biện pháp cấp, tổng đạt, thông báo và triệu tập hợp lệ cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Tiến hành xác minh được chính quyền địa phương công an xã E cung cấp thông tin tại biên bản xác minh ngày 13/11/2017 có nội dung là ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C là vợ chồng đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2012 đến nay không có tin tức gì. Ngày 23/11/2017 người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn yêu cầu đăng tin thông báo về việc khởi kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng cho người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định. Tòa án thông báo về việc khởi kiện cho người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Ch, bà C, nội

dung đăng tin tìm kiếm đã được đăng, phát trên phương tiện thông tin của Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông đa phương tiện tại thành phố Hồ Chí Minh và báo Công lý theo quy định của pháp luật nhưng ông Ch, bà C vẫn không có mặt tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên HĐXX cần chấp nhận. Buộc ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 19/4/2018 là: 185.553.333 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 80.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn từ ngày 11/11/2009 đến ngày 11/11/2010 là: 10.466.667 đồng;
- Lãi quá hạn từ ngày 11/11/2010 đến ngày 19/4/2018 là: 95.086.667 đồng;

Ngoài khoản nợ gốc, tiền lãi và lãi quá hạn, ông Ch, bà C phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 210/209 ký ngày 11/11/2009 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Đối với tài sản thế chấp: Khi vay ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 1754d, tờ bản đồ số 01 tại thôn 09, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 033515 do UBND huyện A, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/6/2002 đứng tên hộ ông Nguyễn Tất Th, địa chỉ: Thôn 09, xã E, huyện A (nay là huyện K), tỉnh Đắk Lắk và ngày 13/02/2008 được phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk cập nhật, thay đổi chủ sở hữu cho ông Ch và bà C do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 210/TC ký ngày 12/3/2009. HĐXX xét thấy việc thế chấp là hợp pháp, tài sản thế chấp hiện tại ở địa phương không có tranh chấp, nếu sau khi ông Ch, bà C trả đủ toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng N, chi nhánh B Đắk Lắk - Phòng giao dịch H thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Ch và bà C 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 033515 do UBND huyện A, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/6/2002 đã thế chấp để đảm bảo cho khoản tiền vay được quy định tại khoản 6 Điều 349 Bộ luật dân sự 2005. Trường hợp ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền nợ nói trên thì theo quy định tại khoản 5 Điều 351, Điều 355 Bộ luật dân sự 2005, toàn bộ tài sản thế chấp được xử lý theo luật định để đảm bảo trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là  $183.853.333 \text{ đồng} \times 5\% = 9.277.500 \text{ đồng}$  (chín triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng)

Ngân hàng N - Chi nhánh B Đăk Lăk - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền) được nhận lại 4.462.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2017/0001254 ngày 09/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

[6] Về chi phí tố tụng khác:

Đối với chi phí giám định: Do yêu cầu giám định của nguyên đơn và kết luận giám định là có căn cứ nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ ký là 5.760.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi ngày 08/3/2018, do đó buộc ông Ch, bà C phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí giám định 5.760.000 đồng.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi ngày 01/02/2018, do đó buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[7] Đối với chi phí cho việc đăng, phát thông báo trên các phương tiện thông tin truyền thông: Ngân hàng N - Chi nhánh B Đăk Lăk - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền) là người yêu cầu nên phải chịu số tiền 2.850.000 đồng, số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đã chi toàn bộ ngày 22/01/2018 và ngày 28/02/2018.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157; 158; 161; 162; 203, 220; 227, 228, 235; 266; 271; 273; 385 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 342; 343; 344; khoản 7 Điều 351, Điều 355; 471; 474; 476; 714; 715 và 717 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh B Đăk Lăk - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền)

Buộc ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh B Đăk Lăk - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền) số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2018 là: 185.553.333 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 80.000.000 đồng;

- Lãi trong hạn từ ngày 11/11/2009 đến ngày 11/11/2010 là: 10.466.667 đồng;
- Lãi quá hạn từ ngày 11/11/2010 đến ngày 19/4/2018 là: 95.086.667 đồng;

Ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 210/209 ngày 11/11/2009 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh B Đăk Lăk - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền).

Sau khi ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C trả đủ toàn bộ số tiền nợ vay và tiền lãi suất phát sinh thì Ngân hàng N - Chi nhánh B Đăk Lăk - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền) phải trả lại cho ông Ch, bà C 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 033515 do UBND huyện A, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 28/6/2002.

Trường hợp ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ vay và tiền lãi suất phát sinh thì Ngân hàng N - Chi nhánh B Đăk Lăk - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền) được quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 1754d, tờ bản đồ số 01 tại thôn 09, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 033515 do UBND huyện A, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 28/6/2002 để đảm bảo cho việc thu hồi tiền gốc, lãi và lãi phát sinh.

\* Về án phí: Ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C phải chịu 9.277.500 đồng (*chín triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N - Chi nhánh B Đăk Lăk - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền) được nhận lại 4.462.000đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2017/0001254 ngày 09/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

\* Về chi phí tố tụng khác: Ông Trần Danh Ch và bà Nguyễn Thị C phải hoàn trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh B Đăk Lăk - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền) số tiền 5.760.000 đồng chi phí giám định chữ ký và 500.000đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

\* Về chi phí đăng, phát thông báo trên phương tiện thông tin truyền thông: Ngân hàng N - Chi nhánh B Đăk Lăk - Phòng giao dịch H (thực hiện theo ủy quyền) phải chịu số tiền 2.850.000đồng, được khấu trừ 2.850.000đồng đã nộp tạm ứng và đã chi toàn bộ ngày 22/01/2018 và ngày 28/02/2018.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Văn Công Cường**